

Số: 98/2022/QĐST-HNGĐ

G, ngày 06 tháng 5 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 93/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022, giữa:

- Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Anh Phạm Anh K, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Bà Nguyễn Thị Bé Q, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1957

- Bà Võ Kim L, sinh năm 1957

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Ngân hàng thương mại cổ phần S

Địa chỉ: đường N, phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Hoàng C, sinh năm 1979 – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần S – Chi nhánh B. Địa chỉ: đại lộ Đ, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre theo Văn bản ủy quyền số 3161/2021/QĐ-PL ngày 27/12/2021.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng là ông Đặng Minh T, sinh năm 1971. Chức vụ: Trưởng phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng thương mại cổ phần S – Chi nhánh B. Địa chỉ: đại lộ Đ, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre theo Văn bản ủy quyền số 123/2022/UQ-CNBT ngày 24/3/2022.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 60, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 4 năm 2022.

**XÉT THẤY:**



Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc T với anh Phạm Anh K.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Phạm Anh K thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Phạm Anh K được quyền nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Phạm Khương D, sinh ngày 11/9/2009 và Phạm Quỳnh A, sinh ngày 19/6/2014.

Ghi nhận việc anh Phạm Anh K tự nguyện không yêu cầu chị Nguyễn Thị Ngọc T cấp dưỡng nuôi 02 con.

Chị Nguyễn Thị Ngọc T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Phạm Anh K tự thỏa thuận phân chia, không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung:

+ Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Phạm Anh K có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Bé Q số tiền nợ tổng cộng là 275.574.000đ (Hai trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm bảy mươi bốn nghìn đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 258.074.000đ (Hai trăm năm mươi tám triệu không trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) và tiền nợ lãi là 17.500.000đ (Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

+ Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Phạm Anh K có trách nhiệm liên đới trả cho bà Võ Kim L, ông Nguyễn Văn H số tiền nợ tổng cộng là 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng). Ghi nhận việc bà Võ Kim L, ông Nguyễn Văn H không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nêu trên.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu



khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

+ Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Phạm Anh K có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền nợ đến ngày 25/4/2022 tổng cộng là 3.120.358.833đ (Ba tỷ một trăm hai mươi triệu ba trăm năm mươi tám nghìn tám trăm ba mươi ba đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 3.087.450.000đ (Ba tỷ không trăm tám mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) và tiền nợ lãi là 32.908.833đ (Ba mươi hai triệu chín trăm lẻ tám nghìn tám trăm ba mươi ba đồng).

Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Phạm Anh K có trách nhiệm liên đới tiếp tục trả lãi phát sinh cho Ngân hàng thương mại cổ phần S từ ngày 26/4/2022 theo thỏa thuận quy định tại hợp đồng tín dụng số 202025389418 ngày 25/5/2020 và sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 202025389418.1 ngày 27/5/2020 cho đến khi trả hết nợ.

+ Chị Nguyễn Thị Ngọc T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền nợ đến ngày 25/4/2022 là 204.971.973đ (Hai trăm lẻ bốn triệu chín trăm bảy mươi một nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng).

Chị Nguyễn Thị Ngọc T có trách nhiệm tiếp tục trả lãi phát sinh cho Ngân hàng thương mại cổ phần S từ ngày 26/4/2022 theo thỏa thuận quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1508202 và số 1508311 ngày 20/7/2020 cho đến khi trả hết nợ.

+ Anh Phạm Anh K có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền nợ đến ngày 25/4/2022 là 197.576.822đ (Một trăm chín mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn tám trăm hai mươi hai đồng).

Anh Phạm Anh K có trách nhiệm tiếp tục trả lãi phát sinh cho Ngân hàng thương mại cổ phần S từ ngày 26/4/2022 theo thỏa thuận quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1508249 và số 1518536 ngày 21/7/2020 cho đến khi trả hết nợ.

+ Trong trường hợp chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Phạm Anh K không thanh toán số tiền nợ vay thì Ngân hàng thương mại cổ phần S có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 202025389418.1 ngày 28/5/2020 để thu hồi nợ, gồm các tài sản sau:

Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA637682, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH005261 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 08/6/2015, thuộc thửa đất số 528, tờ bản đồ số 4, diện tích 938,6m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp M, xã L, huyện G do chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Phạm Anh K đứng tên chủ sử dụng.

Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD446470, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH01048 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 22/12/2000, thuộc thửa đất số 512, tờ bản đồ số 4, diện tích 814,4m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn 100m<sup>2</sup> và đất trồng cây lâu năm



714,4m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp M, xã L, huyện G do chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Phạm Anh K đứng tên chủ sử dụng.

Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI906337, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS06234 do Sở T tỉnh Bến Tre cấp ngày 02/6/2017, thuộc thửa đất số 113, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.787,7m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn 300m<sup>2</sup> và đất trồng cây lâu năm 1.487,7m<sup>2</sup>, tọa lạc tại xã L, huyện G do chị Nguyễn Thị Ngọc T đứng tên chủ sử dụng.

- Về án phí:

+ Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm hòa giải thành là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.124.000đ (Năm triệu một trăm hai mươi bốn nghìn đồng). Tổng cộng là 5.274.000đ (Năm triệu hai trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004780 ngày 14/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre. Chị T còn phải nộp tiếp số tiền là 4.974.000đ (Bốn triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

+ Anh Phạm Anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 4.939.000đ (Bốn triệu chín trăm ba mươi chín nghìn đồng).

+ Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Phạm Anh K phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 47.203.500đ (Bốn mươi bảy triệu hai trăm lẻ ba nghìn năm trăm đồng).

+ Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Phạm Anh K phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 3.445.000đ (Ba triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

+ Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Phạm Anh K phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 9.000.000đ (Chín triệu đồng).

+ Bà Nguyễn Thị Bé Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 3.445.000đ (Ba triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 8.383.000đ (Tám triệu ba trăm tám mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007159 ngày 08/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre. Bà Q được hoàn lại số tiền 4.938.000đ (Bốn triệu chín trăm ba mươi tám nghìn đồng).

+ Ông Nguyễn Văn H, bà Võ Kim L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 9.000.000đ (Chín triệu đồng). Tuy nhiên, do ông H, bà L là người cao tuổi nên được miễn nộp toàn bộ tiền án phí theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.



+ Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp tổng cộng là 57.267.000đ (Năm mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) theo các biên lai thu số 0007205, số 0007206 và số 0007207 cùng ngày 25/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Giồng Trôm;
- CCTHADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã M, huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**  
(Đã ký)

**Nguyễn Khắc Giang**